TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày: 17-4-2024
V/v "Tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Cang
2. Ông Trần Quốc Thái

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Thái Quốc Bảo- Kiểm sát viên.

Ngày 17-4-2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2023/TLST-DS ngày 13-11-2023 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 18-3-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1), sinh năm 1956
Địa chỉ: G M, Gardens LN, San Joe CA 95133, USA (Vắng mặt)
Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1985
Địa chỉ: 2 L, phường A, quận P, TP Hồ Chí Minh, là đại diện uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền ngày 13-7-2023 (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1945
Địa chỉ: Số D H, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt)
Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Ngọc H2, sinh năm 1978
Địa chỉ: 5 TX B Khu phố B, phường T, Quận A, TP Hồ Chí Minh, là đại diện uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền ngày 23-11-2023 (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29-6-2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1) thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Nguyên đơn bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1) là con của ông Nguyễn Quang T (sinh 1932-chết 2003) và bà Huỳnh Như M, tên khác là Mai Nhu

H3 (sinh 1932- chết 2023), là cháu nội của cụ Nguyễn Văn Đ, tên khác là Nguyễn Quan Đ1 (sinh 1900- chết 1979) và cụ Phạm Thị N1 (sinh 1907-chết năm 1982). Sinh thời cụ Đ1, cụ N1 có tạo lập được diện tích đất 2221,8m^2 thuộc thửa 108 (số cũ 393), tờ bản đồ số 26 (số cũ 5) tọa lạc tại số D (số C) H, TP V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi cụ Đ1, cụ N1 chết, các đồng thừa kế của các cụ đã tranh chấp chia di sản thừa kế đối với phần đất này và đã được giải quyết tại Bản án số 04/2020/DS-ST ngày 26-5-2020 của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Bản án số 819/2022/DS-PT ngày 22-12-2022 của Tòa án cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (Bản án phúc thẩm số 819).

Theo Bản án phúc thẩm số 819 tuyên: "Đối với kỷ phần của ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Quang C1, ông Nguyễn Quang T, mỗi kỷ phần có giá trị 15.277.613.111 đồng giao cho bà Nguyễn Thị C quản lý, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật".

Tại Bản án nêu trên thì cũng đã xác định các thừa kế của ông Nguyễn Quang T gồm vợ là bà Huỳnh Như M (Mai N), sinh năm 1932 và con là bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1). Nay bà Huỳnh Như M (Mai N) đã chết ngày 30-5-2023. Khi chết bà M không để lại di chúc. Cha mẹ bà M là cụ Huỳnh Văn T2 và cụ Phạm Thị T3 đã chết trước bà M; Cha mẹ ông T cũng đã chết trước ông T. Bà M và ông T chỉ có một người con duy nhất là bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1). Do vậy hiện bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1) là người thừa kế theo pháp luật duy nhất của ông T, bà M.

Nay bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1) khởi kiện bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Căn cứ theo mục 5 phần Quyết định của Bản án phúc thẩm số 819 đã có hiệu lực pháp luật nêu trên, buộc bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho bà C2 Nguyen Huynh (Nguyễn Thị Thu H1) số tiền mà bà Nguyễn Thị C đang quản lý là 15.277.613.111 đồng (Mười lăm tỷ, hai trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm mười ba nghìn một trăm mười một đồng), tương đương với một kỷ phần thừa kế mà ông Nguyễn Quang T được hưởng vì bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1) là người thừa kế duy nhất của ông Nguyễn Quang T.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị C thông qua người đại diện hợp pháp là ông Phạm Ngọc H2 trình bày:

Bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1) đã căn cứ vào Bản án phúc thẩm số 819 để yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho bà C2 Nguyen Huynh (Nguyễn Thị Thu H1) số tiền mà bà C đang quản lý là 15.277.613.111 đồng thì bị đơn không đồng ý bởi những lý do sau:

1. Bà C không vay, mượn hay giữ tiền của ông Nguyễn Quang T;

2. Bà C không đồng ý với Bản án phúc thẩm số 819/2022/DS-PT ngày 22-12-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP .. Hiện bà C đã gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm bản án này.

3. Toàn bộ phần đất tại địa chỉ D H, TP . là của bà C, phần đất này của cha mẹ bà C để lại cho bà C và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với các anh em khác cũng như ông Nguyễn Quang T đã được cha mẹ phân chia tài sản trước đó. Mấy chục năm nay anh em bà C không đòi hỏi hay nhắc đến nhà đất tại số D H vì ai cũng hiểu rằng phần đất đó là của bà C. Sau này, ông Nguyễn Văn C3 bị con cái xúi giục khởi kiện tranh chấp, ông T được xác định là người có quyền và nghĩa vụ liên quan nhưng quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều gửi giấy triệu tập ông T nhưng ông T đều vắng mặt không lý do. Ông T không quan tâm hay tranh chấp gì đối với nhà đất 48 H vì ông ngầm hiểu đây là phần đất của bà C được hưởng. Ông T cũng như các anh em khác của bà C gồm: bà Nguyễn Thị Ả, bà Nguyễn Thị V, những người thừa kế của bà Nguyễn Thị P đều xác định diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của bà C, không có yêu cầu tranh chấp gì.

Bản án phúc thẩm số 819/2022/DS-PT ngày 22-12-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP . dành quyền khởi kiện cho ông T nhưng ông T nhận thấy rằng mình không có quyền gì nên đã từ bỏ việc khởi kiện, nay con ông T thay mặt ông khởi kiện bà C đòi kỷ phần của ông T là không có cơ sở.

Do vậy bị đơn đề nghị Tòa án toàn bộ bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và Bản án số 819/2022/DS-PT ngày 22-12-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1932, chết năm 2003 (có vợ là bà Huỳnh Như M và con là Nguyễn Thị Thu H1). Bà Mai Nhu H3 (Huỳnh Như M), sinh năm 1932 – chết năm 2023 (theo Giấy chứng tử của tiểu bang G, H4 kỳ, nên bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1) là người thừa kế theo pháp luật duy nhất của ông Nguyễn Quang T.

Bản án phúc thẩm số 819 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật từ ngày 22-12-2022.

Do đó bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1) khởi kiện yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà C2 Nguyen Huynh (Nguyễn Thị Thu H1) số tiền mà bà Nguyễn Thị C đang quản lý là 15.277.613.111 đồng, tương đương với một kỷ phần thừa kế mà ông Nguyễn Quang T được hưởng theo Bản án phúc thẩm số 819 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là quan hệ "Đòi tài sản", có đương sự (nguyên đơn) ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại Khoản 2 Điều 26, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên toà: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có mặt người đại diện theo ủy quyền hợp pháp nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Ông Nguyễn Quang T là người được chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn Đ, tên gọi khác là Nguyễn Quan Đ1 (chết năm 1979) và cụ Phạm Thị N1 (chết năm 1982) để lại theo Bản án phúc thẩm số 819/2022/DS-PT ngày 22-12-2022 của Tòa án cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (Bản án phúc thẩm số 819) với số tiền theo kỷ phần là 15.277.613.111 đồng, nhưng Bản án phúc thẩm số 819 giao kỷ phần này của ông T cho bà Nguyễn Thị C quản lý, khi đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết.

[3.2] Bị đơn cho rằng Bản án phúc thẩm số 819 đã xét xử không đúng và bị đơn đang khiếu nại Bản án này nên không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên Bản án phúc thẩm số 819 là Bản án đang có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại Điều 19 Bộ luật tố tụng dân sự thì mọi cá nhân, tổ chức có liên quan phải chấp hành Bản án. Hiện nay chưa có quyết định nào của cơ quan có thẩm quyền xem xét lại Bản án nên ý kiến của phía bị đơn là không có căn cứ.

[3.3] Bị đơn cũng cho rằng ông T không hề quan tâm hay tranh chấp đối với nhà đất 48 H vì Bản án phúc thẩm số 819 dành quyền khởi kiện cho ông T nhưng ông T nhận thấy rằng mình không có quyền gì nên đã từ bỏ việc khởi kiện là không có căn cứ. Bởi lẽ ông T đã chết từ năm 2003 nên không thể đòi phần thừa kế của mình được Tòa án công nhận vào năm 2022. Do vậy nay người thừa kế của ông T có yêu cầu là phù hợp với quy định pháp luật.

[3.4] Về người có quyền thừa kế hợp pháp của ông T thì nguyên đơn khai gia đình ông T đều ở Hoa Kỳ, ông T có vợ là bà Huỳnh Như M (Mai N) cũng đã chết ngày 30-5-2023 (chết sau ông T) không để lại di chúc. Cha mẹ bà M và ông T đều đã chết trước bà M, ông T; bà M và ông T chỉ có một người con duy nhất là bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1). Do vậy hiện nay chỉ còn bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1) là người thừa kế theo pháp luật của ông T, bà M. Nguyên đơn cam kết về việc ông T, bà M không còn người thừa kế nào khác và chịu trách nhiệm về cam kết của mình. Đồng thời theo Bản án phúc thẩm số 819, hồ sơ nguyên đơn cung cấp, lời khai của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn là người thừa kế của ông Nguyễn Quang T. Do vậy, nguyên đơn có quyền khởi kiện đòi số tiền này từ bị đơn là bà Nguyễn Thị C.

[3.5] Với những tình tiết trên, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 105, 115, 166 Bộ luật dân sự. Do vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn giao trả tài sản là 15.277.613.111 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị C do thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

- Bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1) không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 19, Khoản 2 Điều 26, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 105, 115, 166 Bộ luật dân sự; các Điều 12, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1) đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị C về "Tranh chấp đòi tài sản":

Bà Nguyễn Thị C phải giao trả cho bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1) số tiền 15.277.613.111 đồng (mười lăm tỷ, hai trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm mười ba nghìn, một trăm mười một đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm cho bên được thi hành án số tiền lãi 10%/năm của khoản tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị C do thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

- H5 lại cho bà Christine Nguyen H (Nguyễn Thị Thu H1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 61.639.000 đ (sáu mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0000548 ngày 08-11-2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Huệ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BRVT;
- Lưu.